

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNST.
Ngày: 31/5/2024.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Ông Lê Văn Quốc – kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Châu Thị H**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp Ba Ngàn, xã Đại T, thành phố Ngã B, tỉnh HG.

Địa chỉ liên hệ: G8/44-45, đường 31, khu vực Thạnh T, phường PT, quận CR, thành phố CT. (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 126, khu vực TH, phường PT, quận CR, thành phố CT. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Châu Thị H** trình bày và yêu cầu: Tôi và ông **Nguyễn Hoàng T** quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú T, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 09/9/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được

khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng ngày càng phai nhạt, ông T còn bạo hành gia đình nên tôi không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A (nữ), sinh ngày 05/5/2018. Nguyên đơn xin được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét.

Do không thể tiến hành hòa giải nên tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết ly hôn.

* Bị đơn có mặt tại phiên tòa và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn không đến tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 09/9/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn nên nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa, bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên đơn chưa thanh toán số nợ riêng của nguyên đơn làm chủ nợ gây phiền hà cho bị đơn nên bị đơn chưa đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả hết nợ thì bị đơn đồng ý ly hôn. Xét thấy, mặc dù bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng lý do bị đơn trình bày chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Châu Thị H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A (nữ), sinh ngày 05/5/2018. Nguyên đơn xin được nuôi cháu A, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Tại phiên tòa, bị đơn cũng thống nhất để nguyên đơn được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, từ trước đến nay cháu A vẫn đang chung sống với nguyên đơn. Do đó, để không thay đổi môi trường sống của cháu A nên giao con chung cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng bị đơn chưa cung cấp được chứng cứ nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xem xét và giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có nợ riêng với các chủ nợ bên ngoài gây phiền hà cho bị đơn nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn đồng ý ly hôn. Đồng thời, bị đơn cho rằng đây là nợ riêng của nguyên đơn thì nguyên đơn phải tự giải quyết nhưng bị đơn có thể phụ trả nợ tiếp nguyên đơn trong khả năng chứ bị đơn không đồng ý chia đôi nghĩa vụ trả nợ vì đây không phải là nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, do chưa ai cung cấp chứng cứ chứng minh có nợ chung hay nợ riêng nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự yêu cầu.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003271 ngày 22/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Huệ.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Châu Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.
3. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc A (nữ), sinh ngày 05/5/2018 cho bà Châu Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hoàng T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
4. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
5. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
6. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003271 ngày 22/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.
7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Xuân